

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN

BV - TP. HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 309/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 30/9/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BV

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**.

2. Bà **Đặng Thị Minh Anh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên**- Thư ký Tòa án nhân huyện BV

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BV, TP Hà Nội: Bà Lê Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện BV xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 234 /2019/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị **Mã Thị H**, sinh năm 1990.

HKTT: Xóm X, thôn PP, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

+ **Bị đơn:** Anh **Trần Đình Th**, sinh năm 1985

HKTT: Thôn VP, xã CM, huyện BV, Thành phố Hà Nội.

(Chị H có mặt tại phiên tòa. Anh Th vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15/5/2019 chị Mã Thị H trình bày: Chị Mã Thị H kết hôn với anh Trần Đình Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CM, huyện BV, TP. Hà Nội ngày 19/10/2012, sau khi kết hôn chị H và anh Th về chung sống với nhau cùng gia đình anh Th được thời gian ngắn thì vợ chồng về Thanh Hóa sống cùng gia đình nhà chị H tại xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng chị H, anh Th đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị

H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa, sống không có hạnh phúc, chị H xin được ly hôn anh Th.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 23/10/2013 và cháu Trần Quỳnh Ch, sinh ngày 20/01/2017. Hiện cháu Nh đang ở với chị H, cháu Nh sống cùng anh Th. Chị H có nguyện vọng được nuôi hai cháu đến trưởng thành và không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về công nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai 24/5/2019 anh Trần Đình Th trình bày: anh Th kết hôn với chị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CM, huyện BV ngày 19/12/2012, sau khi kết hôn anh Th và chị H về chung sống cùng gia đình anh Th tại xã CM, huyện BV, sau đó anh Th và chị H về xã NS, tỉnh Thanh Hóa ở cùng bố mẹ đẻ chị H để làm ăn sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H nghi ngờ anh Th nghiện ngập, bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài. Anh Th đã về quê ở CM sinh sống từ tháng 03/2019 cho đến nay. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin ly hôn, anh không đồng ý, anh có nguyện vọng đoàn tụ.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 23/10/2013 và cháu Trần Quỳnh Ch, sinh ngày 20/01/2017. Hiện cháu Nh đang ở với chị H, cháu Nh sống cùng anh Th. Anh Th có nguyện vọng được nuôi hai cháu đến trưởng thành và không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về công nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện BV đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng không thành. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/5/2019 anh Th vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Mã Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Mã Thị H và anh Trần Đình Th là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CM ngày 19/12/2012. Sau khi kết hôn, chị H và anh Th về chung sống với nhau tại nhà anh Th ở xã CM một thời gian thì về xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa ở cùng bố mẹ đẻ chị H để làm ăn sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên

nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm cuộc sống bất đồng, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2013. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh Th. Về phía anh Th cũng thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn một thời gian dài nhưng anh Th có nguyện vọng đoàn tụ. Mặc dù có nguyện vọng đoàn tụ nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải anh Th lại không có mặt, thể hiện việc không tha thiết đoàn tụ, không có giải pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, HĐXX xác định hôn nhân giữa chị H và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho chị H xin ly hôn anh Th là có căn cứ.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 23/10/2013 và cháu Trần Quỳnh Ch, sinh ngày 20/01/2017. Hiện cháu Nh đang ở với chị H, cháu Nh sống cùng anh Th. Chị H và anh Th đều có nguyện vọng được nuôi hai cháu đến trưởng thành và không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung. Tuy nhiên xét thấy, chị H và anh Th đều có khả năng nuôi dưỡng con, đều đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng con. Vì lợi ích của con vì vậy, cần giao cho chị H và anh Th mỗi người nuôi một cháu đến trưởng thành. Đối với cháu Trần Quỳnh Ch dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Đối với cháu Trần Quỳnh Nh giao cho anh Th nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th, chị H đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh Th đều trình bày không có.

+ Về công nợ chung: Chị H và anh Th đều trình bày không có.

Án phí: Chị Mã Thị H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 25 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

1/ Xử : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mã Thị H đối với anh Trần Đình Th . Cho chị Mã Thị H được ly hôn anh Trần Đình Th.

2/ Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 23/10/2013 và cháu Trần Quỳnh Ch, sinh ngày 20/01/2017. Giao cho chị Mã Thị H được nuôi dưỡng cháu Trần Quỳnh Ch, sinh ngày 20/01/2017 cho đến khi cháu Trần Quỳnh Ch, sinh ngày 20/01/2017 tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao cho anh Nguyễn Thanh Hải được nuôi dưỡng cháu Trần Quỳnh

Nh, sinh ngày 23/10/2013 cho đến khi cháu Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 23/10/2013 tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Mã Thị Hải và anh Trần Đình Th đến khi anh Th, chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Trần Đình Th và chị Mã Thị H được quyền qua lại chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, công sức: Không có.

4/ Về công nợ chung : Không có.

5/ Án phí : Chị Mã Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0009311 ngày 17/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BV

6/ Quyền kháng cáo : Chị Mã Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Đình Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện BV
- Chi cục THADS huyện BV
- Các đương sự.
- UBND xã CM.
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phúc Thịnh